

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 45/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2017

Về việc “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Nguyễn Tấn Rõn

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Anh T - Sinh năm 1992 - Địa chỉ: ấp C, xã Bình Hòa B, huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Phú R - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: ấp 2, xã Bình T, huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2017 và ngày 14/7/2017, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Anh T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Võ Phú R cưới nhau năm 2016, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng thường hay mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mất hạnh phúc. Bà và ông R sống ly thân từ ngày 01/01/2017 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Phú R.

Về nuôi con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 22 chỉ vàng cưới loại 24kara 99%. Khi ly hôn bà yêu cầu chia đôi giá trị số vàng cưới nêu trên, bà có nghĩa vụ hoàn trả cho ông R 37.999.500 đồng theo thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 28/7/2017 tại Tòa án. Giá trị vàng tại thời điểm ngày 28/7/2017 là 3.454.500 đồng/chỉ.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 28/7/2017, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Phú R trình bày: Ông thống nhất trình bày của bà T về ngày tháng năm kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, không có con chung, thời gian ly thân và việc không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Anh T

Về tài sản chung: Ông thống nhất trình bày của bà T, tài sản chung của ông bà là 22 chỉ vàng loại 24 kara 99% khi ly hôn ông nhận một phần hai giá trị tài sản chung là 37.999.500 đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Phú R, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[3] Trước khi mở phiên tòa, bà T và ông R thuận tình ly hôn và thỏa thuận được việc giải quyết về tài sản chung.

[4] Xét việc bà T và ông R thuận tình ly hôn là không có căn cứ chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông R vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật hôn nhân và gia đình công nhận là vợ chồng.

[5] Trước khi mở phiên tòa, bà T và ông R xác nhận và thỏa thuận về tài sản chung là 22 chỉ vàng cưới loại 24kara 99% bà T đang quản lý. Khi ly hôn bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông R 11 chỉ vàng 24kara 99% tương đương với 37.999.500 đồng theo thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 28/7/2017. Giá trị vàng tại thời điểm ngày 28/7/2017 là 3.454.500 đồng/chỉ.

[6] Việc thỏa thuận về tài sản chung của bà T và ông R trước phiên tòa là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về con chung và nợ chung: Bà T và ông R thống nhất không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; nếu sau này xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; Bà T và ông R mỗi người được chia giá trị tài sản là 11 chỉ vàng 24 kara 99% tương đương 37.999.500 đồng nên mỗi người phải chịu 949.987,5 đồng án phí dân sự về chia tài sản.

Tổng cộng, bà T phải chịu 1.249.987,5 đồng án phí, được khấu trừ 1.156.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà T còn phải nộp thêm 93.987,5 đồng án phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Anh T đối với ông Võ Phú R về việc “ ly hôn và chia tài sản chung”.

- Về hôn nhân giữa bà Lê Anh T và ông Võ Phú R không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về tài sản chung, ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Bà Lê Anh T và ông Võ Phú R mỗi người được chia tài sản chung là 11 chỉ vàng 24 kara 99% tương đương 37.999.500 đồng. Giá trị vàng tại thời điểm ngày 28/7/2017 là 3.454.500 đồng/chỉ.

Chia cụ thể bằng tiền bà Lê Anh T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Phú R số tiền 37.999.500 đồng (ba mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Bà Lê Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 949.987,5 đồng án phí về chia tài sản chung. Tổng cộng 1.249.987,5 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi bảy phẩy năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.156.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (theo các biên lai thu số 0007963 ngày 18/7/2017 và 0007952 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), bà T

còn phải nộp thêm 93.987,5 đồng (chín mươi ba nghìn chín trăm tám mươi bảy phẩy năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Võ Phú R phải chịu 949.987,5 đồng đồng (chín trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bảy phẩy năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vụ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Bình Thành (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.